

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/12/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+RC3+RP2	7:25	21+1+0	0+0+0		19+2+0	0+0+0	chuyen 1 Rc3-Rp2
2		TD3+VSP01	7:25	22+0	0+0		20+1	0+0	
3		RCDM+RC4+RC6	7:25	10+7+5	0+0+0		9+6+5	0+0+0	
4		CTK3+BK14+VSP02	7:25	11+0+11	0+0+0		1+10+11	0+0+0	
5		BK10+VSP02	9:25	3+19	0+0		0+20	0+0	
6		RC5+RP3	9:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
7		RP1+P8	9:25	17+5	0+0		19+0	0+0	
8		RP3	9:25	22	0		20	0	
9		TD1+RP3+RCDM	11:25	8+5+9	0+0+0		2+0+6	0+0+0	chuyen 1 rp3-rdm
10		MRM+VSP02+CTK3	11:25	5+17+0	0+0+0		1+7+13	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày RCDM-4 ng; CTK3-11 ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2022	TO: RP1 - RC3 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - Mạnh - Toàn	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TSOPANOV	RP1	73	1	10		95	KH-THAC	Russian
2	KOROQLUEV RAMIL	RP1	74	1	7		75	KH-THAC	Russian
3	TRẦN QUANG TUNG	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
4	NG PHI KHAI HOAN	RP1	72	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	77	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	70	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TAO QUANG NGAN	RP1	84-85	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN MINH HIẾU	RP1				15	60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	68	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	71	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BẮC HÀ	RP1	80-81	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG THE ANH	RP1	78	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN BA QUÝ	RP1	83	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THUY	RP1	65-66	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ BA TUÂN	RP1	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG ĐÌNH BA	RP1	67	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÌNH VĂN MẠNH	RP1	75	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	78	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐÌNH THẮNG	RP1	79	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN SUU	RP1	64	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN THANH CÔNG	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THẾ MẠNH	RC3	84	1	7	40	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

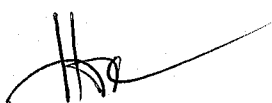
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	21	21	118	1.519	15	19		CHUYEN 01 PAX TU RC3 SANG RP2
2	RC3	1	1	7	70	40	2	1	
3	RP2	0	0	0	0	45	1		
TOTAL		22	22	125	1.589	100	22		
WEIGHT KG				125	1.589	100			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/12/2022	TO: RP2 - RP1 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - HIẾU -	ETA: 09:15
VANG-1		Cương	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN PHUC NGUYEN	RP2	49-50	2	15		84	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM NGOC TUAN	RP2	56-57	2	16		69	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN BANG	RP2	58	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN THANG	RP2	59-60	2	21		52	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN HAU HAI	RP2	53-54	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
6	LE VAN DAU	RP2	47-48	2	18		69	XAYLAP	Vietnamese
7	LE DANG TIEN	RP2	55	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN CONG THANH	RP2	44	1	15		82	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM TUAN ANH	RP2	51	1	14	10	70	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG MANH HA	RP2	61-62	2	22		64	XAYLAP	Vietnamese
11	CU CHI CONG	RP2	45-46	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG VINH	RP2	900,42	2	15	17	80	XAYLAP	Vietnamese
13	VO VAN HIỆP	RP1	53-54	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese
14	PHUNG QUỐC VIỆT	RP1	60	1	15	10	70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN NGOC QUYẾT	RP1	59	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN KIM HƯƠNG	RP1	52	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
17	LE CU	RP1	55-56	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC MANH THANG	RP1	62	1	14		75	XAYLAP	Vietnamese
19	DƯƠNG MANH CƯỜNG	RP1	63-64	2	22		64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC THAI	RP1	57-58	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM CAO CƯỜNG	P9					69	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC HÀ	P9					62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

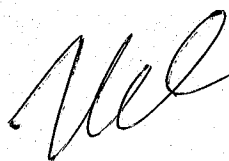
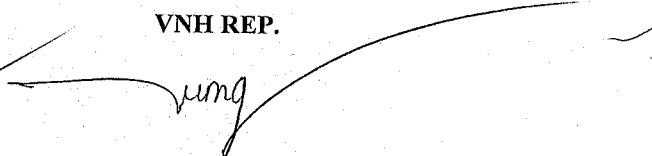
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	12	20	195	824	27	0		
2	RP1	8	12	128	546	10	9		
3	P9	2	0	0	131	0	5		
TOTAL		22	32	323	1.501	37	14		
WEIGHT KG				323	1.501	37			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2022	TO: RCDM - RC4 - RC6	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - DSon	ETA: 09:40
NAU - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN CÂN	RCDM	46	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÀO TRUNG KIẾN	RCDM				20	66	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRƯỜNG SA	RCDM	84	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TUẤN ANH	RCDM	49	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG QUANG THỜI	RCDM	44	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU THỌ	RCDM	43	1	20		73	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM VĂN HUAN	RCDM	85	1	6		71	PSV	Vietnamese
8	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RCDM	50,83	2	20		68	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	45	1	14	17	82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN KIỂM BÁC	RCDM	47-48	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	59	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN TUNG	RC4	58	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG MINH DUNG	RC4				35	78	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ HAI ANH	RC4	55-56	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC LANG	RC4	62-63	2	18	18	60	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN HUỆ	RC4	60-61	2	16		54	T-TIN	Vietnamese
17	MAI VĂN TUÔNG	RC4	57	1	4		67	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT THANH	RC6				25	74	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC THIÊN	RC6	73	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN TRUONG	RC6	72	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	71	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	74	1	10		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	10	11	102	684	37	9		
2	RC4	7	9	64	466	53	6		
3	RC6	5	4	30	380	25	5		
TOTAL		22	24	196	1.530	115	20		
WEIGHT KG				196	1.530	115			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: CTK3 - BK14 - VSP02	CREW: VThắng - NPhú - Vũ	ETA: 09:30
VIPA -VANG-1			

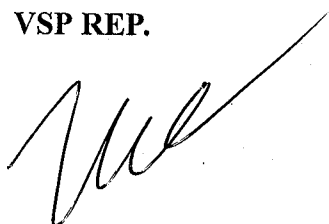
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN TÙNG	CTK3					68	D-HANH	Vietnamese
2	LE HOANG PHI KHANH	CTK3					74	D-HANH	Vietnamese
3	ĐO HUYỀN CHAU	CTK3					67	D-HANH	Vietnamese
4	NGO SY THO	CTK3				40	75	D-HANH	Vietnamese
5	LE TUAN ANH	CTK3					95	D-HANH	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC DŨNG	CTK3					74	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CTK3					74	D-HANH	Vietnamese
8	TRỊNH HIẾN THÀNH	CTK3					72	D-HANH	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG PHONG	CTK3					66	D-HANH	Vietnamese
10	VŨ THỊ KHUYEN *	CTK3					50	D-HANH	Vietnamese
11	NGO DUC HIEN	VSP02	75	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG LÂM	VSP02	73-74	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	62	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	72	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
15	SERGIENKO SERGEY	VSP02	70	1	7		80	KH-THAC	Russian
16	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	63-64	2	18		93	KH-THAC	Vietnamese
17	VLADISLAV GURIN	VSP02	69	1	8		95	KH-THAC	Russian
18	PHẠM TRỌNG TUÂN	VSP02	71	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	65-66	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGO ĐỨC TRI	VSP02	68	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN QUOC HOAN	VSP02	67	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	10	0	0	715	40	1		
2	BK14	0	0	0	0	40	10		
3	VSP02	11	14	99	795	0	11		
TOTAL		21	14	99	1.510	80	22		
WEIGHT KG				99	1.510	80			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2022	TO: BK10 - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Dương - Linh - DTùng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐẮC KIM	BK10	25-26	2	15		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG TUYẾN	BK10	27-28	2	15		61	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ANH TUẤN	BK10	22-24	3	15		78	KH-THAC	Vietnamese
4	DANG VIET THANH	VSP02	92	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	90	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN LÊ MINH TUẤN	VSP02	84	1	11		93	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	86-87	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THỂ CƯỜNG	VSP02	82	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	83	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	89	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	78	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	95	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	85	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH TRƯỞNG PHI	VSP02	93	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	77	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	88	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	91	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THỂ VINH	VSP02	76	1	3	47	81	KH-THAC	Vietnamese
19	GEFTMAN	VSP02	94	1	7		105	KH-THAC	Russian
20	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	79-80	2	8		65	Y-TE	Vietnamese
21	ĐẠO XUÂN THAO	VSP02	98	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ XUÂN TÙNG	VSP02	81	1	15		69	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	3	7	45	204	0	0		
2	VSP02	19	21	138	1.420	47	20		
TOTAL		22	28	183	1.624	47	20		
WEIGHT KG				183	1.624	47			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/12/2022	TO: RC5 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: MTHAO - HUNG - NNam	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KURPANOV V.A	RC5	56	1	5		68	KH-THAC	Russian
2	TRINH VAN TIEN	RC5	49	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HOANG TUNG	RC5	57	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LE VAN TRUNG	RC5	51	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHUNG DAI DUONG	RC5	52-53	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH TUAN	RC5	54-55	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI DUC KHANH	RC5	40	1	6		50	PSV	Vietnamese
8	PHAM VAN TUONG	RC5	48	1	5		80	PSV	Vietnamese
9	TRAN DUC THUAN	RP3	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	96	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI ANH SON	RP3	88	1	3	30	65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI VAN THANH	RP3	94	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM QUANG TRUNG	RP3	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VO TAN CHAU	RP3	84	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CONG	RP3	93	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN ANH	RP3	97	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO DUC MINH	RP3	91	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRUONG VAN THUONG	RP3	89-90	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG QUANG THUONG	RP3	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TIEN	RP3	85	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN HOA	RP3	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG HAI	RP3					75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	8	10	73	565	0	7		
2	RP3	14	14	86	951	30	15		
TOTAL		22	24	159	1.516	30	22		
WEIGHT KG				159	1.516	30			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 7	TO: P8 - PPD - RP1	CREW: LHải - TĐông - DSơn	ETA: 11:55
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FOK S.I.	P8	49	1	7		129	KHOAN	Russian
2	SICHINAVA GIORGI	P8	50	1	10	22	93	KHOAN	Russian
3	SOTRIVEX IGOR	P8	51	1	8	50	107	KHOAN	Russian
4	VŨ HỮU KÊ	P8	50-52	3	17		81	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ MẠNH HUNG	P8	49	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG HIẾU	RP1	46	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN BA LINH	RP1	47-49	3	15		64	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ANH ĐỨC	RP1	44-45	2	19		65	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH ĐẠT	RP1	42-43	2	14		80	DVL	Vietnamese
10	TRẦN MẠNH VƯƠNG	RP1	03-04	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT TÂN	RP1	33-35	3	20		67	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ TIẾN PHÁT	RP1	50-51	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC ANH	RP1	36-37	2	20		78	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI THAI SƠN	RP1	40-41	2	18	10	68	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	RP1	02	1	5		68	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN DOÀN BÌNH	RP1	38-39	2	12		64	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	27	1	5		85	PSV	Vietnamese
18	VŨ XUÂN TIẾN	RP1	32	1	8		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY QUYỀN	RP1	31	1	6		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	30	1	6		63	PSV	Vietnamese
21	ĐÀO THANH TRƯỞNG	RP1	28	1	4		50	PSV	Vietnamese
22	TRẦN HIỆP	RP1	29	1	8		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	5	7	49	480	72	0		
2	PPD	0	0	0	0	0	1		
3	RP1	17	28	208	1.160	10	19		
TOTAL		22	35	257	1.640	82	20		
WEIGHT KG				257	1.640	82			

GRAND TOAL: 1.979 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	TO: RP3	CREW: VThắng - NPhú - Vũ	ETA: 11:50
VANG-2			

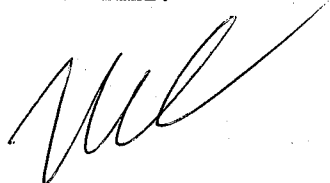
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	93	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN HOÀNG	RP3	84	1	12		83	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG XUÂN HÙNG	RP3					69	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ THẮNG	RP3	85	1	12		89	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN HIỀN	RP3	81	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	92	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	89	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ ĐỨC HUY	RP3	87	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ THANH LONG	RP3	91	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC OANH	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THANH CÔNG	RP3	90	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM THẾ PHONG	RP3	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	88	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ DUY TIỀN	RP3	82-83	2	13		83	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN CHUÔNG	RP3	97-98	2	11		67	KHI	Vietnamese
16	LÊ THANH SƠN	RP3	100	1	7		60	KHI	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN THUY	RP3	99	1	7		77	KHI	Vietnamese
18	LÝ HUYNH	RP3	95-96	2	9		66	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN KIM TUÂN	RP3	94	1	9		93	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	78	1	3		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN VY	RP3	79	1	5		68	PSV	Vietnamese
22	TRẦN THANH HAI	RP3	80	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

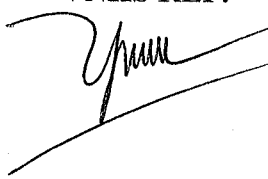
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	23	139	1.556	0	20		
	TOTAL	22	23	139	1.556	0	20		
	WEIGHT KG			139	1.556	0			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2022	TO: TD1 - RP3 - RCDM	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Dương - Linh - DTùng	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐAO TIEN THANH	TD1	32	1	12		85	PVDWS	Vietnamese
2	TRAN VAN HUNG	TD1	30-31	2	10		65	PVDWS	Vietnamese
3	VUONG KIEN QUOC	TD1	86	1	10		82	DVL	Vietnamese
4	TRAN VAN NGHIA	TD1	36	1	15		85	DVL	Vietnamese
5	HOANG DANG THIEN	TD1	33	1	12		70	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN VAN THU	TD1	100	1	15		70	DVL	Vietnamese
7	LE HOAI THIEN	TD1	29	1	15		75	DVL	Vietnamese
8	TRAN VAN THUAT	TD1	34-35	2	17		76	DVL	Vietnamese
9	LE THANH HAI	RP3	73	1	5		60	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN DUY CHINH	RP3	75	1	3		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRUNG	RP3	76	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC THANH	RP3	77	1	10		85	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN HIEP	RP3	74	1	6		50	PSV	Vietnamese
14	PHAN NGOC TUAN	RCDM	97	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI TRONG NHAN	RCDM	73	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
16	LE HOANG SON	RCDM	88	1	17		75	XAYLAP	Vietnamese
17	PHUNG VAN CUONG	RCDM	91-92	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI MANH HAI	RCDM	95-96	2	12		67	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN TUAN ANH	RCDM	93-94	2	12		86	XAYLAP	Vietnamese
20	LE PHAM TUAN HOANG	RCDM	89-90	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG XUAN HUY	RCDM	98-99	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN DANG NHAN	RCDM	500	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	8	10	106	608	0	2		CHUYEN 1 PAX RP3 SANG RCDM
2	RP3	5	5	29	330	0	0+1		
3	RCDM	9	14	115	643	0	6		
TOTAL		22	29	250	1.581	0	8		
WEIGHT KG				250	1.581	0			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

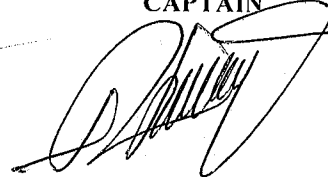
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/12/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	TO: MRM - VSP02 - CTK3	CREW: CHIẾN - ĐNam - QTrưởng	ETA: 14:05
HONG - 3			

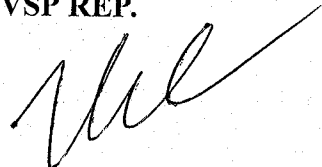
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG UT	MRM	96-97	2	20		70	SCHULUM	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU TRUNG	MRM	92	1	17		72	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	MRM	93	1	13		76	KHOAN	Vietnamese
4	BUI THAI QUY	MRM	94	1	13		77	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ HUYNH TRUNG	MRM	95	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
6	NHÂM ĐIỆN BIÊN	VSP02	97	1	5		66	NIPI	Vietnamese
7	BUI ANH THO	VSP02	100	1	8		78	BASON	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HÙNG	VSP02	95	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	VUÔNG ĐỨC HUY	VSP02	96	1	15		95	PSV	Vietnamese
10	PHẠM VĂN BÌNH	VSP02	13	1	8		77	BA SON	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC PHONG	VSP02	200	1	6		55	BA SON	Vietnamese
12	ĐINH NGỌC THỰC	VSP02	99,400	2	20		58	BA SON	Vietnamese
13	KHUÔNG MANH TUÂN	VSP02	98-99	2	18		58	BA SON	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HA	VSP02	19	1	10		67	BA SON	Vietnamese
15	NGUYỄN TỎ THÀNH	VSP02					71	SHINTRAC	Vietnamese
16	LÊ XUÂN THẮNG	VSP02	14	1	3		62	SHINTRAC	Vietnamese
17	TRẦN ANH DŨNG	VSP02	15	1	5		72	SHINTRAC	Vietnamese
18	TRẦN HỮU THỦ	VSP02	18	1	10		70	SHINTRAC	Vietnamese
19	TRẦN TRỌNG HẢO	VSP02	17	1	8		85	SHINTRAC	Vietnamese
20	NGUYỄN CHÂU NAM	VSP02	16	1	5		65	SHINTRAC	Vietnamese
21	ĐỖ THANH HÙNG	VSP02	12	1	3		68	D-HANH	Vietnamese
22	GASUKHA VITALY	VSP02	94	1	5		90	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

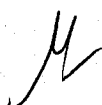
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	5	6	71	376	0	1		
2	VSP02	17	18	134	1.207	0	7		
3	CTK3	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		22	24	205	1.583	0	21		
WEIGHT KG				205	1.583	0			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

